

Bài 44.**LUYỆN TẬP CHUNG**

1. Nối (theo mẫu) :

9km 370m	9037m
9,037km	90370m
482cm	0,482m
90,37km	4,82m
482dm	48,2m
482mm	9370m



2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) 32,47 tấn = tạ = kg ;
b) 0,9 tấn = tạ = kg ;
c) 780kg = tạ = tấn ;
d) 78kg = tạ = tấn.

3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|
| a) 7,3m = dm | $7,3m^2 = \dots\dots\dots dm^2$ |
| 34,34m = cm | $34,34m^2 = \dots\dots\dots cm^2$ |
| 8,02km = m | $8,02km^2 = \dots\dots\dots m^2$ |
| b) $0,7km^2 = \dots\dots\dots ha$ | $0,7km^2 = \dots\dots\dots m^2$ |
| $0,25ha = \dots\dots\dots m^2$ | $7,71ha = \dots\dots\dots m^2$ |

4. Nửa chu vi của một khu vườn hình chữ nhật là 0,55km, chiều rộng bằng $\frac{5}{6}$ chiều dài.
Hỏi diện tích khu vườn đó bằng bao nhiêu mét vuông ? Bao nhiêu héc-ta ?

Bài giải

$$0,55\text{km} = \dots\dots\dots \text{m}$$

Chiều dài khu vườn là: m

Chiều rộng khu vườn là: m

Diện tích khu vườn là: m^2

= $\dots\dots\dots$ ha